

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

cuu-duong-than-cong.com

Chương 1

cuu-duong-than-cong.com

KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

Hữu hạn

Vô hạn

Nguồn lực:
- Lao động
- Vốn
- KH-CN
- TNTN

**Nhu cầu
tồn tại &
phát triển
xã hội**

CUNG

Kinh tế học

CẦU

Kinh tế học vi mô

Kinh tế học vĩ mô

1. Quan hệ giữa kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô

■ Khái niệm

- Kinh tế học là môn khoa học xã hội, nghiên cứu việc lựa chọn cách sử dụng hợp lý nguồn tài lực khan hiếm để sản xuất ra những hàng hoá và dịch vụ nhằm thoả mãn cao nhất nhu cầu cho mọi thành viên trong xã hội.
- Kinh tế vi mô
- Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vi mô

- Nghiên cứu sự lựa chọn của hộ gia đình và doanh nghiệp và sự tương tác giữa họ trên các thị trường cụ thể.
- Các đại lượng đo lường kinh tế vi mô:
 - Sản lượng, giá của HH
 - Doanh thu
 - Chi phí
 - Lợi nhuận
 - Lỗ lỗ của doanh nghiệp
 -

Kinh tế vĩ mô

- Nghiên cứu các hiện tượng của toàn bộ nền kinh tế - Hệ thống.
- Các đại lượng đo lường kinh tế vĩ mô:
 - GDP, GNP
 - Thu nhập quốc dân (NI)
 - Đầu tư
 - Lạm phát
 - Thất nghiệp
 - Tiêu dùng
 -

Chú ý

– Kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ nhau.

– Mặc dù có mối liên hệ gắn bó giữa kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô nhưng hai lĩnh vực này vẫn có sự khác biệt.

2. Các vấn đề kinh tế vĩ mô

2.1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế

■ Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự tăng thêm về quy mô sản lượng hàng hóa và dịch vụ trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

■ Phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế là quá trình tăng tiến của nền kinh tế trên các mặt, bao gồm cả sự tăng thêm về quy mô sản lượng, tiến bộ về cơ cấu kinh tế - xã hội.

2.2. Lạm phát và giảm phát

■ Lạm phát (inflation):

Là tình trạng mức giá chung của nền kinh tế tăng lên trong một thời gian nhất định.

■ Giảm phát (deflation):

Là tình trạng mức giá chung của nền kinh tế giảm xuống trong một thời gian nhất định.

■ Tỷ lệ lạm phát:

Phản ánh tỷ lệ thay đổi tăng thêm hay giảm bớt của giá cả ở một thời điểm nào đó so với thời điểm trước.

2.3. Thất nghiệp

- Thất nghiệp bao gồm những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, đang tích cực tìm kiếm việc làm
- Mức nhân dụng
- Lực lượng lao động
- Tỷ lệ thất nghiệp
Phản ánh tỷ lệ % số người thất nghiệp so với lực lượng lao động

Dân số

Số người trong độ tuổi lao động

Số người ngoài độ tuổi lao động

Có khả năng lao động

Không có khả năng lao động

Nguồn nhân lực

Lực lượng LĐ

Ngoài Lực
lượng LĐ

Có khả năng nhưng
chưa tham gia

Thất nghiệp

Mức nhân dụng

- Lính nghĩa vụ quân sự
- Sinh viên
- Quân phục viên
- Nội trợ

2.4. Sản lượng tiềm năng

- Sản lượng tiềm năng (Y_p) là mức sản lượng đạt được khi trong nền kinh tế tồn tại một mức thất nghiệp bằng với “thất nghiệp tự nhiên”
- Thất nghiệp tự nhiên (U_n) là tỷ lệ thất nghiệp luôn luôn tồn tại trong nền kinh tế thị trường

Chú ý:

- Y_p sản lượng tối ưu mà nền kinh tế có thể đạt được trong điều kiện các yếu tố sản xuất được sử dụng hết và không gây ra lạm phát cao.
- Ở sản lượng tiềm năng vẫn còn thất nghiệp. Đó chính là tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên.
- Sản lượng tiềm năng có xu hướng tăng từ từ theo thời gian khi các yếu tố nguồn lực trong nền kinh tế thay đổi.

2.5. Định luật Okun

■ Cách thứ nhất do P.A.Samuelson:

Khi sản lượng thực tế thấp hơn sản lượng tiềm năng 2% thì thất nghiệp sẽ tăng thêm 1%

$$U_t = U_n + \frac{Y_p - Y_t}{Y_p} * 50 \%$$

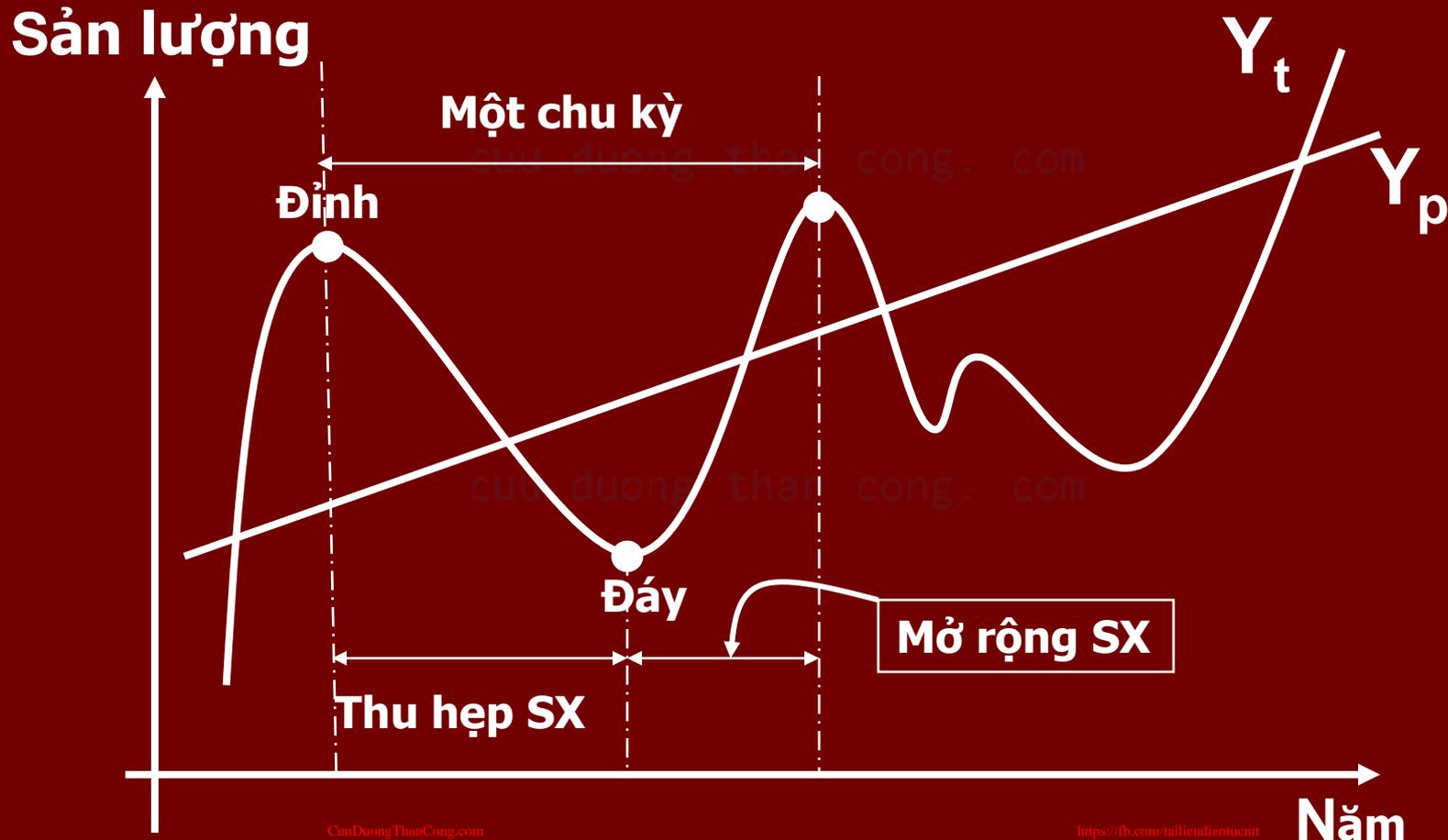
■ Cách thứ hai do S.Fisher:

Khi tốc độ tăng của sản lượng thực tế cao hơn tốc độ tăng của sản lượng tiềm năng 2,5% thì thất nghiệp giảm bớt 1%

$$U_t = U_{t-1} - 0,4 (y - p) \%$$

2.6. Chu kỳ kinh doanh

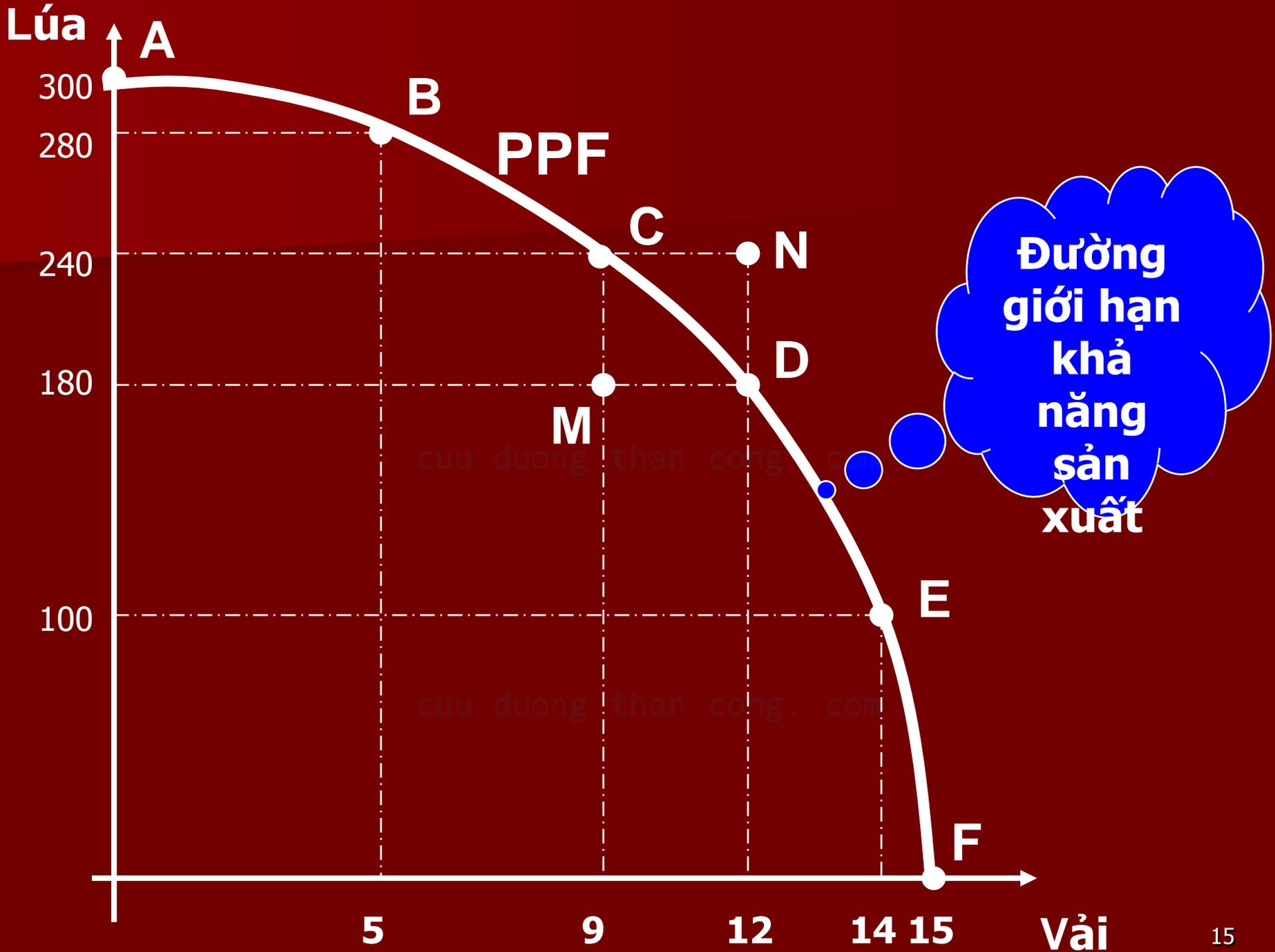
Chu kỳ kinh doanh là hiện tượng sản lượng thực tế giao động lên xuống theo thời gian, xoay quanh sản lượng tiềm năng



3. Đường giới hạn khả năng sản xuất

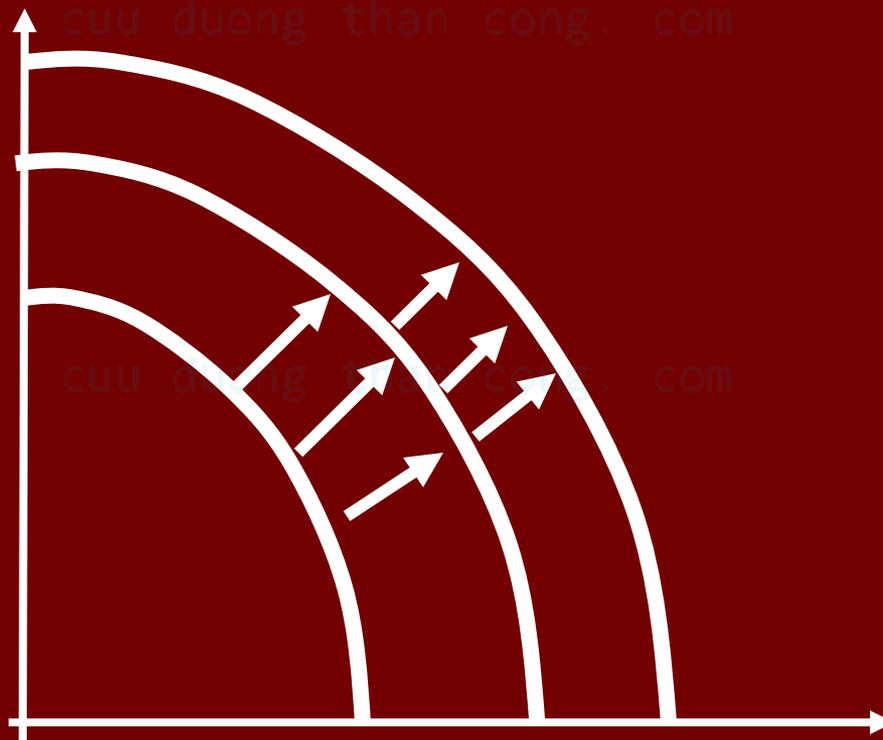
Ví dụ: Các phương án sản xuất khác nhau của một quốc gia

Phương án sản xuất	Vải (1000 mét)	Lúa (1000 tấn)
A	0	300
B	5	280
C	9	240
D	12	180
E	14	100
F	15	0



Ý nghĩa:

- PPF mô tả mức sản xuất tối đa mà nền kinh tế có thể đạt được khi sử dụng toàn bộ năng lực sẵn có
- Sự dịch chuyển của PPF

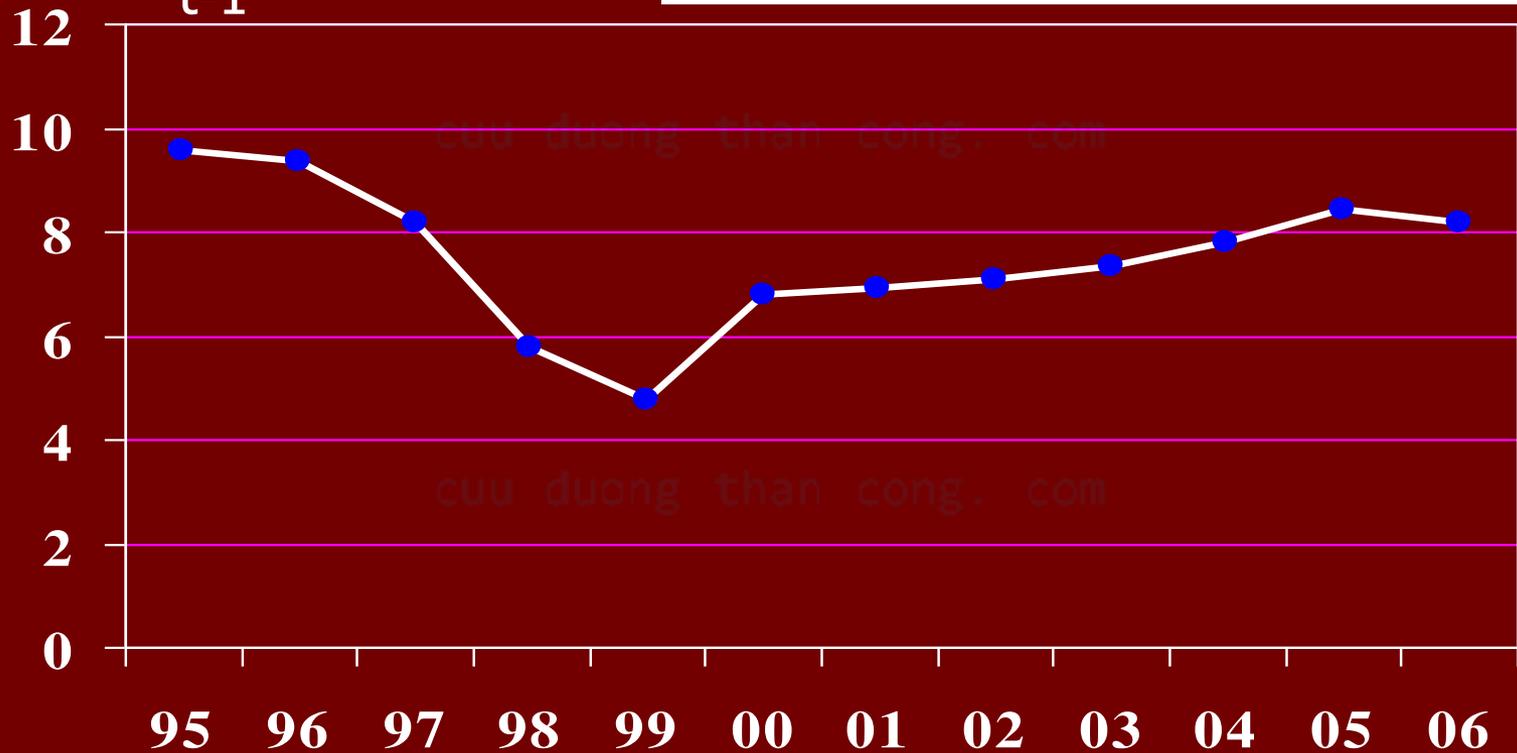


4. Mục tiêu và công cụ điều tiết vĩ mô

4.1. Mục tiêu: Sản lượng và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao

$$g_t = \frac{Y_t - Y_{t-1}}{Y_{t-1}} \times 100$$

$$g_{\text{namgoc}} \rightarrow \text{namt} = \left[t^{-1} \sqrt{\frac{Y_t}{Y_0}} - 1 \right] * 100$$



—●— Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

4. Mục tiêu và công cụ điều tiết vĩ mô (tt)

- Mức thất nghiệp thấp
- Giá cả ổn định
- Cán cân thanh toán

4.2. Chính sách kinh tế vĩ mô

- Chính sách tài chính
- Chính sách tiền tệ
- Chính sách thu nhập
- Chính sách ngoại thương

5. Các Thị trường trong kinh tế vĩ mô

- Thị trường hàng hóa – dịch vụ
- Thị trường tài chính
- Thị trường tiền tệ
- Thị trường lao động

6. Các tác nhân chính trong kinh tế vĩ mô

- Hộ gia đình và cá nhân
- Nhà sản xuất / doanh nghiệp
- Chính phủ
- Sự liên quan của thế giới

